

Số: 2540/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

Các xã, huyện, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đang làm thủ tục xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, nếu đã thực hiện đến bước thẩm định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì tiếp tục thực hiện theo Quy định của Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; nếu chưa thực hiện đến bước thẩm định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì tiến hành thực hiện lại quy trình theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TTĐT, các vụ, cục: KTTT, KGVX, TCCV, QHĐP, TH, PL, NC, CN, KSTT;
- Lưu: Văn thư, NN (3b). Thỉnh *LLB*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vương Đình Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 73/SY-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 01 năm 2017

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP, K19;
- Lưu: VT (22b)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

QUY ĐỊNH

**Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương
đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2540 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm
2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt là địa phương đạt chuẩn nông thôn mới); thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các xã, huyện; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh trên địa bàn cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các xã, huyện sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 4. Điều kiện công nhận

1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện:

a) Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

b) Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định;

c) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

2. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện:

a) Có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào kế hoạch thực hiện;

b) Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định;

c) Có 100% tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định;

d) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

3. Thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện:

a) Có đăng ký thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào kế hoạch thực hiện;

b) Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định;

c) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 5. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn xã để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

2. Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn huyện để xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên cơ sở quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 6. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

2. UBND xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến UBND cấp huyện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 7. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm các bước:

1. UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 8. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Tổ chức tự đánh giá:

UBND xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo UBND xã.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, bản, ấp (sau đây gọi chung là thôn) và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân;

c) UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và của nhân dân trên địa bàn.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, UBND xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 9. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí

nông thôn mới) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo UBND cấp huyện;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện;

b) UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của xã được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt

từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

(Kèm theo hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định này).

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

Điều 10. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1. Tổ chức thẩm định:

a) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) thành lập Đoàn thẩm định (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã của từng huyện (trên cơ sở văn bản của các sở, ban, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách), báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; nêu rõ lý do xã chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức xét, công nhận:

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện lãnh đạo một số sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là một Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan thường trực Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh;

d) Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Mẫu Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được ban hành theo Mẫu số 23 của Quy định này.

3. Công bố:

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh.

b) Thời hạn tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới do UBND cấp huyện thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI; THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 11. Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. UBND huyện, thị xã, thành phố đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước ngày 15 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND cấp tỉnh chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với huyện, thị xã, thành phố đã có 70% số xã đạt chuẩn, 30% số xã còn lại phải đạt chuẩn từ 14 tiêu chí trở lên (riêng đối với huyện, còn phải đạt ít nhất 06 tiêu chí huyện nông thôn mới tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đầu đạt chuẩn trong năm đánh giá).

2. UBND huyện, thị xã, thành phố nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 02 đối với huyện; Mẫu số 03 đối với thị xã, thành phố tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến UBND cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND huyện, thị xã, thành phố), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện, thị xã, thành phố về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với huyện, thị xã, thành phố chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 12. Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Trình tự, thủ tục công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gồm các bước:

1. UBND huyện tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; UBND thị xã, thành phố tự tổ chức tự đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới.

2. UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 13. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố

1. Tổ chức tự đánh giá:

UBND huyện, thị xã, thành phố thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và đại diện lãnh đạo các phòng, ban, ngành phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới (của huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố), báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố) để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố);

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố) được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện

từ của UBND cấp huyện trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

c) UBND huyện, thị xã, thành phố bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố) sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã và nhân dân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo UBND các xã trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, UBND huyện, thị xã, thành phố nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện, thị xã, thành phố (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Mẫu số 09 (đối với huyện), Mẫu số 10 (đối với thị xã, thành phố) tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, đại diện lãnh đạo UBND các xã trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (bản chính);

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện, thị xã, thành phố.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

Điều 14. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND cấp tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh và đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố) của từng huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thị xã, thành phố) của từng huyện, thị xã, thành phố, báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của UBND huyện, thị xã, thành phố), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện, thị xã, thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ của từng huyện, thị xã, thành phố; nêu rõ lý do huyện chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố chưa được đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND cấp tỉnh tổng hợp danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cấp tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp tỉnh;

b) UBND cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

c) Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đối với việc đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND cấp tỉnh tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho từng huyện, thị xã, thành phố; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của huyện, thị xã, thành phố được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thị xã, thành phố (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Mẫu số 18 đối với huyện, Mẫu số 19 đối với thị xã, thành phố tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Ý kiến đồng ý công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND các huyện trên địa bàn cấp tỉnh; văn bản đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các Sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đối với việc công

nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ UBND huyện, thị xã, thành phố nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Quy định này).

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương).

Điều 15. Tổ chức thẩm định, xét, công nhận, công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm định:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Đoàn thẩm định (gồm Lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và thành viên kiêm nhiệm là lãnh đạo cấp Cục, Vụ của các Bộ, ngành liên quan) để thẩm định hồ sơ của từng huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối nông thôn Trung ương xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ cho từng huyện, thị xã, thành phố, báo cáo Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của UBND cấp tỉnh), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố về kết quả thẩm định hồ sơ của từng huyện, thị xã, thành phố; nêu rõ lý do huyện chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố chưa được xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức xét, công nhận:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định Trung ương xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định Trung ương) gồm đại diện lãnh đạo một số Bộ, ngành liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương mời một số chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện, thị xã, thành phố, tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu: môi trường, quy hoạch, an ninh trật tự, văn hóa ...;

c) Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho từng huyện, thị xã, thành phố (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt);

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định Trung ương dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Công bố:

a) Thủ tướng Chính phủ công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình Trung ương và Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

b) Thời hạn tổ chức công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là không quá 45 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới do UBND cấp tỉnh chủ trì, thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định hiện hành.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định khen thưởng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016 - 2020 và quy định hiện hành.

3. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bao gồm: họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục, tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, trình Thủ

tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu giúp UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

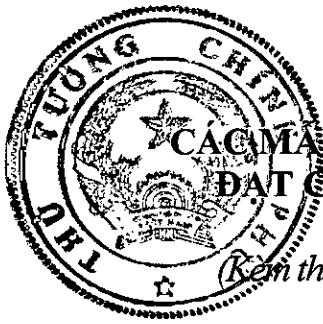
4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, xã; cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Wương Đình Huệ



PHỤ LỤC

CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI; ĐỊA PHƯƠNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Xã đạt chuẩn nông
thôn mới” năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: UBND huyện, tỉnh/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, xã có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là/.....(tổng số) tiêu chí, đạt % (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã (huyện tỉnh/thành phố) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm.....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-.....
V/v đăng ký “Huyện đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

....., ngày.... tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, huyện có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là/..... (tổng số) xã, đạt %; có tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020) và có đủ điều kiện phân đầu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện (tỉnh/thành phố) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-.....
V/v đăng ký “Thị xã/thành phố
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng
nông thôn mới” năm

....., ngày.... tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, thị xã/thành phố có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là/ (tổng số) xã, đạt % (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020) và có đủ điều kiện phấn đấu thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã/thành phố, Ủy ban nhân dân thị xã/thành phố (tỉnh/thành phố) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TM. UBND THỊ XÃ/TP

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã và Báo cáo số/BC-UBND ngày .../.../20..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày .../.../20..... của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

UBND xã kính trình UBND huyện thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

5. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

Kính đề nghị UBND huyện (tỉnh) xem xét, thẩm tra/

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc **thẩm định, xét, công nhận xã**
đạt chuẩn nông thôn mới năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới,

UBND huyện kính trình UBND tỉnh/thành phố thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với xã..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã);

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã..... (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP
đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện, thị xã, thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND huyện/thị xã/TP đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,

UBND huyện/thị xã/TP kính trình UBND tỉnh/thành phố thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện/thị xã/TP (bản chính);

2. Báo cáo..... kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

3. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/TP về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính).

4. Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính);

5. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện/thị xã/TP (bản chính);

6. Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện/thị xã/TP.

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố xem xét, thẩm tra./

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TT-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Về việc **thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP**
..... **đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**
năm

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND tỉnh/thành phố về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện/thị xã/TP

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND tỉnh đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,

UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáothẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức về kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với huyện/thị xã/TP (bản chính);

3. Biên bản cuộc họpđề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính);

4. Ý kiến đồng ý công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND các huyện trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ đạt tiêu chí (bằng văn bản) của các sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

5. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND huyện trình UBND cấp tỉnh thẩm tra)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của xã, huyện, tỉnh

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

- a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt%, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
-;
- Các nội dung đã thực hiện:
-;

- Khối lượng thực hiện:
-;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).
- 2. Tiêu chí số về**
- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
-;
- Các nội dung đã thực hiện:
-;
- Khối lượng thực hiện:
-;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN**CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Xã, huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND xã

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm				
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥80%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet				
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn				
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành				
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥80%		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	Triệu đồng	≥45		

11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤6%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
4	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥85%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥40%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤21,8%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	%	≥70%		

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥95% (≥60% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥85%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		

19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của huyện, tỉnh**

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm%.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

- Về thủy lợi:

- Về trường học:

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Về chợ nông thôn...

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Phản ánh một số kết quả chính: thu nhập bình quân khu vực nông thôn của huyện; tỷ lệ hộ nghèo của huyện.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục:

- Về y tế:

- Về văn hóa:

- Về môi trường:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;
.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;
.....;

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

.....

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng cao chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

Huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20

của UBND huyện

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt		
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống		Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt		

7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt		
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ/TP.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của thị xã/thành phố, tỉnh**

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thị xã/thành phố
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
 - a) Công tác truyền thông.
 - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã/thành phố

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách thị xã/thành phố triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm%.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã/thành phố

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:
 - Tổng số xã trên địa bàn thị xã/thành phố:
 - Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
 - Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:
- Về thủy lợi:
- Về trường học:
- Về cơ sở vật chất văn hóa:
- Về chợ nông thôn...

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:
- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:
- Phản ánh một số kết quả chính: thu nhập bình quân khu vực nông thôn của thị xã/thành phố; tỷ lệ hộ nghèo của thị xã/thành phố.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục:
- Về y tế:
- Về văn hóa:
- Về môi trường:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

IV. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

V. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới của thị xã/thành phố

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng cao chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND THỊ XÃ/TP

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm của xã, huyện, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến năm là/ (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-
-

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí
huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của huyện/thị xã/TP, tỉnh**

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện/thị xã/TP

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/TP
 - Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):
2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện/thị xã/TP
 - Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):
3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/TP (tên đơn vị, tổ chức:)
 - Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):
4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/TP
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/TP

-
-
-

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Báo cáo ngày/...../..... của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xã về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau:
UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn
nông thôn mới gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số 14

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn
nông thôn mới năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày .../.../..... của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm và Báo cáo ngày .../.../..... của UBND huyện tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm cho xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND huyện (tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.....; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm của xã.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số.....thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày//, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND tỉnh bản./

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND huyện/thị xã/TP về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới và Báo cáo số ngày / / của UBND huyện/thị xã/TP tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / tại, UBND huyện/thị xã/TP (tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thị xã/TP báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/TP về kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện/thị xã/TP.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện/thị xã/TP

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm là /tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/TP lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi UBND tỉnh bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 16

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../.... của UBND tỉnh về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện/thị xã/TP năm và Báo cáo ngày/...../..... của UBND tỉnh tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ cho huyện/thị xã/TP,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND tỉnh tổ chức họp đề nghị xét công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND tỉnh trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện/thị xã/TP.....; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ của huyện/thị xã/TP.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện/thị xã/TP đối với việc công nhận huyện/thị xã/TP..... đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt %.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày .../ .../, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND tỉnh lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện/thị xã/TP đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 17

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
.....
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:
.....
.....;

- Khối lượng thực hiện:
.....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về
.....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện.....thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

.....
..... /.

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA**CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của xã, huyện tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của

UBND huyện.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm				

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥80%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		

8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet				
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn				
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành				
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥80%		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	Triệu đồng	≥45		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤6%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥85%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥40%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤21,8%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	%	≥70%		

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥95% (≥60% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥85%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		

Mẫu số 18

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND, ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho huyện năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày/...../.... về việc thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

2.1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

a) Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

- Yêu cầu của tiêu chí:

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

+ Các nội dung đã thực hiện:

.....;

+ Khối lượng thực hiện:

.....;
.....;

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

b) Tiêu chí số 2 về Giao thông

- Yêu cầu của tiêu chí:

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;
.....;

+ Các nội dung đã thực hiện:

.....;
.....;

+ Khối lượng thực hiện:

.....;
.....;

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

-

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

...../.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
của huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20...
của UBND tỉnh))

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt			Đạt	
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã			Đạt	
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch			Đạt	
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống			Đạt	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia			Đạt	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả			Đạt	
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản			Đạt	

		phẩm chủ lực của huyện				
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt		
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 19

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND, ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ
xây dựng nông thôn mới cho thị xã/thành phố năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND thị xã/thành phố tại Tờ trình số
/TTr-UBND ngày//.... về việc thẩm tra, xét công nhận thị xã/thành
phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới,
UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thị xã/thành phố
năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày// đến ngày//.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Tổng số xã trên địa bàn thị xã/thành phố:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

**3. Về kết quả xây dựng nông thôn mới (trên cơ sở đánh giá kết quả xây
dựng nông thôn mới của thị xã/thành phố)**

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

-

2. Về kết quả xây dựng nông thôn mới

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

.....

..... /.

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Mẫu số 20

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét,
công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm cho xã,
huyện, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia

-

-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

-

-

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 21

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm cho huyện/thị xã/TP, tỉnh.....

I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia

.....

.....

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đối với huyện/thị xã/TP

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện, thị trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh

.....

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 22

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(thuộc huyện, tỉnh,)

TT	Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố xã đạt chuẩn NTM	Ghi chú
	Xã						
	Xã						
						
						
	Tổng số:xã đạt chuẩn/tổng số xã thuộc huyện, đạt%						

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MẪU BẢNG CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

CÔNG NHẬN
Xã, huyện, tỉnh/thành phố
Đạt chuẩn nông thôn mới năm

Quyết định số:/QĐ-UBND ngày /, ngày tháng năm
...../ ...

Vào Sổ số:/QĐ-UBND

CHỦ TỊCH

Yêu cầu:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên xã, huyện, tỉnh (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới năm... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
 - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
 - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)
- Dòng 8:

+ Bên trái: Số sổ vàng (9)

+ Bên phải: Thẩm quyền ký (10)

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.

- (2): Quốc hiệu:

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),

- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).

- (4): Chữ in, màu đen.

- (5): Chữ in, màu đỏ.

- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.

- (10): Chữ in, màu đen.

- (11): Chữ thường, màu đen.

- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.